

SỨ MỆNH NHỮNG NĂM ĐẦU THÀNH LẬP CỦA MỘT SỐ TÔN GIÁO NỘI SINH Ở NAM BỘ

Tóm tắt: Thuật ngữ “tôn giáo nội sinh Nam Bộ” cho đến nay không còn xa lạ với bất kỳ nhà nghiên cứu tôn giáo nào ở Việt Nam. Khái niệm nhằm chỉ các tôn giáo được ra đời bởi các ông Đạo khu vực Đồng bằng sông Cửu Long thời gian cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, như: Bửu Sơn Kỳ Hương gắn với người sáng lập là Đoàn Văn Huân, Tứ Ân Hiếu Nghĩa gắn với Ngô Lợi, Phật giáo Hòa Hảo gắn với Huỳnh Phú Sổ và Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn gắn với Nguyễn Văn An, v.v... Mặc dù hiện nay các tôn giáo này tồn tại độc lập, nhưng khảo cứu về lịch sử phát triển, quá trình hoạt động, tôn chỉ mục đích, đặc biệt là phương châm hành đạo và những đóng góp cho vùng văn hóa Nam Bộ nói riêng và cả nước nói chung, cho thấy các tôn giáo này có rất nhiều điểm tương đồng. Một trong những điểm chung đó mà chúng tôi đề cập trong bài viết này là sứ mệnh của nó thời kỳ khởi thủy.

Từ khóa: Tôn giáo nội sinh; Nam Bộ; sứ mệnh.

Dẫn nhập

Bất kỳ một tổ chức nào khi thành lập đều xác định cho mình một sứ mệnh để thiết lập hay hoạch định chiến lược phát triển của nó. Sứ mệnh chính là thể hiện mục đích của tổ chức, nó lý giải những lý do tổ chức đó ra đời và là căn cứ tồn tại, phát triển của tổ chức. Sứ mệnh của một tổ chức chính là bản tuyên ngôn của tổ chức đó

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Bài viết thuộc Đề tài cấp Bộ niên khóa 2019-2020: *Tôn giáo nội sinh Nam Bộ: Nghiên cứu trường hợp Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn* do TS. Nguyễn Ngọc Mai làm chủ nhiệm; Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam chủ trì.

Ngày nhận bài: 22/7/2020; Ngày biên tập: 10/8/2020; Duyệt đăng: 20/8/2020.

đối với xã hội, nó chứng minh tính hữu ích và các ý nghĩa trong sự tồn tại của tổ chức đó đối với xã hội.

Ở phương diện này mặc dù Bửu Sơn Kỳ Hương hay các tôn giáo nội sinh khác ở Nam Bộ những năm đầu thành lập không hề tuyên bố sứ mệnh, nhưng khảo cứu về quá trình hoạt động, phương châm hành đạo cũng như những di sản mà các tổ chức này để lại cho đến ngày nay có thể nhận diện được sứ mệnh của nó là: 1) *Chiêu tập dân đến khai hoang* (từ đây trở đi gọi là *Dinh điền* - NNM); 2) *Tạo dựng trụ đỡ tinh thần và tổ chức lại đời sống cá nhân, cộng đồng cho người Nam Bộ đương thời*. Để thực hiện được hai sứ mệnh này hầu hết các thủ lĩnh của những tôn giáo nội sinh đã sử dụng rất nhiều phương thức khác nhau để thu hút quần chúng nhân dân, từ đó nắm bắt tâm tư nguyện vọng, tập hợp và lãnh đạo họ thực hiện các sứ mệnh lịch sử cho vùng đất phương Nam. Bài viết này sẽ phân tích hai sứ mệnh nêu trên với sự soi chiếu chủ yếu từ đạo Bửu Sơn Kỳ Hương.

1. Dinh điền thiết lập cộng đồng làng xã

Để thực hiện được sứ mệnh của mình thì một trong những phương cách phổ biến và có hiệu quả nhất lúc bấy giờ để tập hợp quần chúng là *chữa bệnh cứu người* mà sớm nhất là ông đạo - nhân sĩ Đoàn Minh Huyền. Trong hầu hết các ông đạo ở Nam Bộ những ngày đầu khởi nghiệp và ảnh hưởng còn để lại trong ký ức dân chúng ngày nay là những dư âm về tài *chữa bệnh cứu người*. Sử dụng phương cách này để có được lòng tin, tình yêu mến của quần chúng vốn không phải là mới. Ngay từ khi “đạo Gia tô” vào Việt Nam thì việc làm đầu tiên của các giáo sĩ truyền giáo khi tiếp xúc với cộng đồng người Việt cũng là chữa bệnh. Từ phương cách đó, các giáo sĩ truyền giáo đã trở nên thân thiết, gần gũi với người dân, rồi tiếp theo là giảng cho họ về Kinh Thánh và kết quả là thành lập được những cộng đồng Kitô hữu đầu tiên ở miền Bắc Việt Nam. Cũng theo phương cách này mà các nhân sĩ, tu sĩ, như: Đoàn Minh Huyền, Ngô Lợi và nhiều ông đạo khác... ở miền Tây Nam Bộ đã thành công trong những ngày đầu khởi nghiệp. Sự kiện nhân sĩ Đoàn Minh Huyền một thời gian dài nung nấu tại ngôi đình Tòng

Son (Mỹ An Hưng A, Lấp Vò, Đồng Tháp) và bị buộc phải dời đi ngay chính trên quê mình năm 1849 và sau đó lại được đón nhận nồng nhiệt ở Trà Bư cách Tòng Sơn 10km (nay là Hội An, Chợ Mới, An Giang) và lại được dân Tòng Sơn mời quay lại trị bệnh đã cho thấy khả năng y thuật của vị nhân sĩ này, song cũng đồng thời cho thấy phương cách chữa bệnh là vô cùng hiệu quả cho một người hoạt động xã hội lúc bấy giờ¹. Các dịch bệnh lúc bấy giờ mà các thủ lĩnh tôn giáo nội sinh chữa cho mọi người mà dân gian còn lưu truyền đến nay là bệnh luồng tả (bệnh tiêu chảy), bệnh ban đỏ (sốt phát ban), sốt rét và bệnh ma làm (bệnh âm)². Tuy nhiên khi hỏi cách chữa trị của các ngài thì hầu hết người dân còn lưu truyền đến nay là các ngài đều chữa bằng những phương thuốc rất đơn giản là tro giấy vàng với nước lã; hoặc “làm phép vẽ bùa trị bệnh, khuyến cáo người dân tu hành theo giáo pháp của mình. Nhờ trị bệnh hiệu quả, phương pháp tu hành đơn giản dễ làm, phù hợp với đời sống của quần chúng đương thời nên giáo phái của ông được quần chúng ủng hộ nhiệt tình”³. Một vài tư liệu khác cho biết Đoàn Minh Huyền còn dùng các lá cây đun nước cho uống mà lành bệnh. Điều này cho thấy việc áp dụng thuật tâm lý (tro giấy vàng cúng thần là thuốc thánh), kết hợp y học cổ truyền để chữa bệnh cứu dân là khá phổ biến trong hầu hết các hoạt động thời gian đầu nhằm quy tụ dân chúng của các vị tiền bối của các tôn giáo nội sinh. Từ Đoàn Minh Huyền, Ngô Lợi cho đến Nguyễn Văn An sau này đều là những người có nhiều khả năng làm thuốc chữa bệnh. Có thể thấy ngay những ông đạo thời gian này đều biết sử dụng y học cổ truyền kết hợp y học thần bí (phù chú) để đối phó với dịch bệnh hoành hành. Điều này đã đem lại hiệu quả vô cùng lớn và chiếm được lòng tin của quần chúng. Tư liệu dân gian và địa phương cho biết chỉ sau một thời gian, người theo Phật thầy Tây An cũng như Ngô Lợi rất lớn và đây chính là lúc để các nhân sĩ, như: Đoàn Minh Huyền, Ngô Lợi và Nguyễn Văn An thực hiện sứ mệnh lúc bấy giờ là tổ chức dân chúng tiến hành các cuộc khẩn hoang.

Tư liệu về chiến dịch dinh điền lớn của Phật thầy Tây An có lẽ bắt đầu từ khi ngài bị quản thúc ở khu vực chùa Tây An (núi Sam).

Theo tư liệu dân gian và con cháu còn lưu truyền khi biết ngài không phải là gian đạo sĩ nên việc quản thúc Đoàn Minh Huyền cũng có bề lơ lửng. Ông chỉ cần có mặt để trình diện theo định kỳ. Thời gian còn lại, ông có thể “tự do” ra ngoài để chỉ đạo các đệ tử khai hoang lập ấp. Một trong những nơi đó là khu vực Thất Sơn. Vùng Láng Linh bùn đất nước đọng quanh năm xưa kia vốn là vùng đất hoang, địa thế hiểm trở, nhiều thú dữ, dân cư thưa thớt, dưới sự chỉ đạo của Đoàn Minh Huyền và các đại đệ tử, tiêu biểu như Đạo Xuyên, Đạo Đột, Đình Tây.... đã được khai thác lập thành *Trại ruộng*, dựng chùa, truyền đạo,... Tại đây Bửu Hương Các được dựng lên (nay là xã Thạch Mỹ Tây) và sau này các đệ tử dựng thêm Bửu Hương Tự. Tư liệu cũ cho biết từ sau khi Đoàn Minh Huyền cùng đệ tử đến đây khai phá thì dân chúng kéo tới rất đông, rồi dần dần xóm làng trù phú mọc lên. Một trong những nơi đó còn lại đến ngày nay là Thới Sơn (là tên gọi gộp của Hưng Thới và Xuân Sơn), nay còn di tích thờ Đoàn Minh Huyền là ở chùa Trại Ruộng, Trại Rẫy (Thới Sơn).

Với việc đào tạo được 12 đại đệ tử, gồm: Quản cơ Trần Văn Thành, Bùi Văn Thân, Bùi Văn Tây, Nguyễn Văn Xuyên, Nguyễn Văn Thắng, Cao Văn Lãnh, Lê Văn Đột, Phạm Thái Chung, Trần Văn Sang, Đặng Văn Ngoạn, Nguyễn Văn Thương, Trần Văn Thạch⁴, cho thấy Đoàn Minh Huyền thực sự có những chiến lược rất rõ ràng trong việc củng cố và đào tạo nhân sự cho sự nghiệp lớn. Bằng việc giao quyền quản lý các cơ sở khai khẩn khác nhau trên khắp các vùng khai hoang được của Nam Bộ lúc bấy giờ, Đoàn Minh Huyền đã thiết kế chiến lược dinh điền rất chu đáo trên cơ sở giao cho mỗi người làm chủ một vùng và lãnh đạo nhân dân mà hình thành nên nhiều trung tâm dân cư và nông nghiệp lớn lúc bấy giờ là:

Trại số 1 (Hưng Thới và Xuân Sơn) do ông Đình Tây quản lý;

Trại Bửu Hương Các ở Láng Linh do Quản cơ Trần Văn Thành quản lý;

Trại 3 ở Trà Bồng, Miệt Cần Lố (Đồng Tháp Mười) do Đạo Ngoạn quản lý;

Trại 4 ở Núi kết (Cái Dầu) do ông Đạo Xuyên phụ trách⁵.

Việc cắt đặt mỗi trung tâm do một đại đệ tử phụ trách đã hình thành nên hệ thống những khu trại ruộng trại rẫy, trại cửa... quy tụ nông dân khai hoang làm ruộng tạo ra vùng ảnh hưởng của Bửu Sơn Kỳ Hương rất rộng lớn. Tương truyền, những đại đệ tử này đều là những người đạo đức gương mẫu, giỏi võ nghệ, thông thạo y lý⁶. Sau một thời gian không dài, toàn bộ vùng sinh lầy rừng bụi, cộp beo rắn rết, sơn lam chướng khí đã trở thành các trại ruộng đất đai trù phú màu mỡ, thu hút ngày càng nhiều dân lưu tán khắp nơi đổ về. Lực lượng này đã trở thành nguồn nhân lực tại chỗ khai thác và vận hành đồng bằng sông Cửu Long phục vụ cho con người mà hình thành nên những trung tâm dân cư và sản xuất nông nghiệp lớn của miền Nam đương thời. Tư liệu ở địa phương còn cho biết “khi ông mất đã có tới mười mấy vạn người”. Sự nghiệp dinh điền đó của Đoàn Minh Huyền cùng các đại đệ tử đã tạo ra một bước ngoặt lớn trong nền kinh tế nông nghiệp miền Nam lúc bấy giờ, nó không chỉ là công cuộc dinh điền lớn nhất trong lịch sử Nam Bộ mà với chiến lược đó đã thức tỉnh hầu hết người nông dân nam tiến. Việc khai hoang hàng chục, hàng trăm vạn công ruộng thành đất đai cày cấy không chỉ là tìm ra lối thoát cho cuộc sống khốn khó của hàng vạn dân lưu tán mà còn chứng tỏ được tầm nhìn xa trông rộng và chiến lược phát triển kinh tế nông nghiệp của người khởi xướng lúc bấy giờ. Chính vì vậy có sức thu hút và lan tỏa rất mạnh đến không chỉ các đại đệ tử của ông tiếp tục noi gương và vận hành cho đến mãi về sau, mà ngay cả khi Phật Thầy Tây An và các đại đệ tử không còn nữa thì những tín đồ ưu tú của Bửu Sơn Kỳ Hương vẫn tiếp tục sự nghiệp dinh điền để chinh phục tự nhiên tạo ra vùng đồng bằng trù phú. Các trung tâm nông nghiệp khác của đồng bằng sông Cửu Long như Trại Ruộng của ông Đạo Bấy Thanh, Bấy Sói tại Châu Đốc (An Giang ngày nay); toàn bộ khu vực các làng An Định, An Hòa, An Thành, An Lập và ba thôn láng giềng là Vĩnh Gia, Vĩnh Lạc và Vĩnh Quới quanh khu vực núi Tượng (Ba Chúc, Tri Tôn, An Giang) gắn với sự nghiệp dinh điền và hoạt động của ông đạo Ngô Lợi, v.v...

Nếu nhìn một cách tổng thể quy hoạch của các vùng đất được khai phá thời gian này với công lao đóng góp của 3 vị tiền bối, nhân sĩ, trí sĩ yêu nước sẽ thấy cả một vùng rộng lớn của đồng bằng sông Cửu Long được khai khẩn và để lại cho ngày nay với những địa danh như: Gò Công, Mỏ Cày, Ba Vát, Bến Tre, Trà Vinh, Vàm Tấn, Sóc Trăng, Chợ Miếu, Cà Mau, Cần Giuộc, Ba Xuyên, Bạc Liêu, Rạch Giá, Ba Thê, Thoại Sơn, Mặc Dung, Láng Lớn, Trà Bồng, Cần Lố, Ông Bường, An Định, An Hòa, An Thành, An Lập, Vĩnh Gia, Vĩnh Lạc, Vĩnh Quới, Phú Hội, Kiên Lương, Tân Bình,... Những địa danh này đã chứng tỏ di sản đồ sộ mà các lãnh tụ của tôn giáo nội sinh để lại cho hậu thế nói chung và nhân dân miền Nam nói riêng.

Với phương châm “phát rẫy làm ruộng, cứu dân độ bệnh”, Phật thầy Tây An, Đức Bổn sư Ngô Lợi đã di hàng vạn dân đến các vùng đất - nơi chưa có dấu chân người để vừa lao động sản xuất vừa tu tâm dưỡng tính và hành đạo cứu đời. Bằng sức người và ý chí dời non lấp bể, các ông Đạo, ở phương diện nông nghiệp, xứng đáng là những nhà dinh điền lớn trong lịch sử. Không chỉ dừng ở việc tụ hợp dân chúng thúc đẩy và làm các cuộc dinh điền thành công mà với tư cách là những nhà hoạt động xã hội, các ông Đạo đã thực hiện một sứ mệnh khác cũng không kém tầm quan trọng với cộng đồng dân cư Nam Bộ lúc bấy giờ là *tạo dựng trụ đỡ tinh thần và tổ chức lại đời sống cá nhân, cộng đồng*.

2. Tạo dựng trụ đỡ tinh thần và tổ chức lại đời sống cá nhân, cộng đồng cho người Nam Bộ đương thời

Để có thể “định cư trên sa mạc và trên biển cả”, Phật Thầy Tây An đã sáng lập thuyết “Hội Long Hoa” và ngày tận thế để nâng vị thế các vùng hiểm trở khó khăn lên thành thánh địa⁷. Điều này không chỉ có tác dụng lớn trong việc huy động sức người sức của cho việc khai khẩn lập làng. Thuyết “Hội Long Hoa” (một học thuyết đơn giản chỉ ra cho con người một tương lai mới) không chỉ khiến cho những con người cần lao có điểm tựa để níu bám mà vượt qua gian khó, vất vả cực nhọc trong quá trình khai sông lấn biển tìm chỗ đứng dưới Mặt Trời mà còn có tác dụng quan trọng

trong việc nâng đỡ đời sống tinh thần của mỗi cá nhân⁸. Sau khi an ổn được cuộc sống vật chất (thân) của con người, các ông Đạo tiếp tục lập ra kế hoạch bồi dưỡng và định lại nhân cách (tâm) cho người dân bằng các phương thức tu tập cực kỳ đơn giản dễ hiểu trên cơ sở chuyển hóa những giá trị của giáo lý Phật giáo thành một hệ thống giáo lý mới dễ hiểu và dễ thực hiện. Với phương châm vô vi (không dùng ảnh tượng; không đề cao vật chất trong thực hiện nghi lễ khi tu hành); quán triệt mỗi cá nhân tu thân theo pháp môn *học Phật-tu nhân*, Phật Thầy Tây An cũng như Đức Bổn sư Ngô Lợi đều đề cao *Tứ trọng ân* (ân tổ tiên, ân đất nước, ân tam bảo, ân đồng bào và nhân loại). Đây là bốn ân lớn mà mọi tín đồ của các tôn giáo nội sinh phải hết lòng kính thờ và phụng sự⁹. Có thể xem đây là nét tinh túy của đạo, nhưng cũng thể hiện tính ứng biến sáng tạo và khả năng nắm bắt tâm lý, trình độ của người dân Nam Bộ lúc bấy giờ của các yếu nhân tôn giáo nội sinh. Phương châm này không chỉ làm đơn giản hóa việc nhận biết đạo lý ở đời, làm người cho người nông dân dễ hiểu dễ thực hiện mà còn rất phù hợp với bản sắc của dân tộc Việt Nam. Lo cho *thân tâm* con người an lạc cũng chính là điều mà các ông Đạo đã trăn trở và làm được thành công cho những tín đồ của họ lúc bấy giờ.

Theo quy luật, khi mỗi cá nhân sống lưu tán thì cái tôi là đặt lên đầu tiên và cũng là phương thức ứng xử chính yếu để tồn tại. Tuy nhiên, khi dung nạp vào trong một cộng đồng mới thì những ứng xử như vậy sẽ dẫn đến mâu thuẫn và khó tạo ra liên kết bền chặt trong cộng đồng, vì thế nảy sinh yêu cầu phải tổ chức lại đời sống cá nhân và đưa một thể ứng xử mới phù hợp để tạo ra cộng đồng bền chặt, vì vậy yêu cầu có một trụ / bệ đỡ về tinh thần, về luân lý mới là vô cùng quan trọng để cộng đồng đó tồn tại, các cá nhân liên kết chặt với nhau. Nắm bắt được nhu cầu này, các nhà sáng lập tôn giáo nội sinh mà người khởi đầu là Đoàn Minh Huyền đã đưa ra thuyết Long Hoa Hội, ngày tận thế để ước thúc nhân tâm quy về một mối; sáng tạo lại tư tưởng của Phật giáo để làm thành phương thức tu tập mới nhằm rèn rũa nhân tâm, thông qua đó từng bước tổ chức lại đời sống cá nhân bằng cách giúp cho mỗi người nhận thức

được cách để làm thiện lương cuộc sống của mình. *Mười điều huấn* câu là những giáo huấn trực tiếp như thế:

“Điều thứ nhất thầy khuyên nên nhớ
 Lòng trung kiên muôn thừa còn nêu
 Dầu ai nặng nhẹ trăm điều
 Quyết không bỏ lý cao siêu của / theo thầy
 Nhiều thử thách đang giây con đó
 Nếu ngã lòng công khó tiêu tan
 Những khi còn ở trần gian
 Đều là công quả chớ mang trong lòng
 Điều thứ hai cầu mong đệ tử
 Tình bạn bè hãy giữ thủy chung
 Luôn luôn tha thứ khoan dung
 Nhủ khuyên nhỏ nhẹ chớ dùng lời thô
 Dìu dắt nhau đến tu công quả
 Phải thật tình / thà với cả chung quanh
 Thiệt thòi cam chịu đã đành
 Vô vi phẩm hạnh Thầy dành cho con
 Điều thứ ba vẹn toàn đức hạnh
 Tuy bán buôn cơ cực tảo tần
 Đồi công nuôi lấy tấm thân
 Đừng ham mấy chuyện phi nhân gạt / lường người...”¹⁰.

Bằng cách này các lãnh tụ của tôn giáo nội sinh ở Nam Bộ đã hướng những người dân lưu tán vô tổ chức thành một tập hợp làng xã mới và hướng họ vào tu thân để rèn rũa phẩm cách con người, tạo ra một bình diện xã hội mà ở đó những con người từ tứ xứ thập phương đã cùng nhau vượt khó, vượt lên trên đói rách nghèo nàn, ổn định bên nhau cùng chung xây dựng xóm làng với những triết lý sống đồng thuận. Ở phương diện này thực sự các lãnh tụ của tôn

giáo nội sinh đã tạo ra một luồng sinh khí mới và góp phần tổ chức lại cuộc sống cộng đồng trên những vùng đất mới khai phá.

Không nhiều giáo lý phức tạp, không nặng về cuộc sống vật chất; tu hành không nặng về tôn chỉ giáo thuyết hay giáo chủ (vô vi), chỉ tập trung vào 4 trọng ơn quan trọng nhất là: Ân đất nước, Ân đồng bào nhân loại, Ân tổ tiên và Ân tam bảo và các sấm truyền, lời răn... theo lối phổ truyền bằng thơ kiểu như 10 điều huấn câu của Phật thầy Đoàn Minh Huyền, hay sấm truyền của Đức Bồn sư Ngô Lợi... Các nhân sĩ - lãnh tụ của tôn giáo nội sinh đã vạch ra cho con người cá nhân thấy được mối quan hệ của cá nhân với thế giới xung quanh theo các chiều kích: *Với quá khứ* (ơn tổ tiên); *với tương lai* (ơn tam bảo); *với thế giới* (ơn nhân loại); *với hiện tại* (ơn đất nước). Thông qua đó tự mỗi cá nhân sẽ thấu hiểu và nhận thức được nghĩa vụ, trách nhiệm của mình với quê hương, đất nước. Bằng cách này các lãnh tụ của tôn giáo nội sinh đã thức nhận cho các cá nhân ý thức về người Việt Nam, sống theo đạo lý Việt Nam thì phải có trách nhiệm với đất nước, đồng bào và định vị được tọa độ của mình mà từ đó nhìn ra thế giới (ân đất nước, ân đồng bào, nhân loại). Ở phương diện này các nhân sĩ, lãnh tụ của tôn giáo nội sinh đã không chỉ *tổ chức lại đời sống cộng đồng cho người dân mà còn tạo ra hệ giá trị mới cho những con người của vùng đất mới* tuân thủ, theo đuổi và tận lực cống hiến cho những giá trị ấy. Quả nhiên khi họ mất đi, các học trò, tín đồ của họ vẫn giương cao ngọn cờ đạo lý ấy mà hiên ngang sống ở đời và thực hành trách nhiệm, bổn phận của công dân đất nước. Cuộc khởi nghĩa Bảy Thưa của đại đệ tử Bửu Sơn Kỳ Hương; các hoạt động lãnh đạo đội quân Tứ Ân Hiếu Nghĩa chống Pháp; hưởng ứng phong trào Cần Vương của Đức Bồn sư Ngô Lợi; các hoạt động yêu nước, tham gia cách mạng của Giáo sư Nguyễn Văn An... và nhiều tín đồ của các tôn giáo nội sinh sau này đã minh chứng điều đó.

Kết luận

Nhìn lại khoảng thời gian từ giữa thế kỷ XIX trở đi khi mà tình cảnh xã hội đang nhiều nhương, loạn lạc nổi lên khắp nơi, trong đó các khu vực ở Tây Nam Bộ là nơi còn nhiều vấn đề nhất của dịch

bệnh, giặc giã. Khi mà nhân dân thừa thót, lưu tán, nhiều giáo lý đương thời không có đủ khả năng ước thúc nhân tâm, tâm lý xã hội khủng hoảng thì đúng lúc đó các yếu nhân của tôn giáo nội sinh xuất hiện mà đi đầu là nhân sĩ Đoàn Minh Huyền. Với tư cách một thầy thuốc giỏi, am hiểu y lý, phong thái nhân hậu, gần dân... ông đã đem lại một luồng sinh khí mới trong đời sống dân chúng. Tôn giáo mà ông dựng nên không mang tính chất và cấu trúc của một tôn giáo như thông thường (không giáo lý, giáo chủ, giáo đường, nghi lễ phiền phức...) nhưng đường hướng phát triển chiến lược của Đạo Lành lại thiên về các công cuộc khẩn hoang dinh điền, ổn định nơi ăn chốn ở cho người dân và xây dựng, thiết kế các nguyên tắc ứng xử giữa người với người, giữa con người cá thể với tổ tiên và xã hội. Ở phương diện này các thiết chế, phương châm tu hành của các tôn giáo nội sinh cũng đạt được cấp độ 2 của Đạo¹¹. Đây chính là lý do khi thừa nhận / công nhận nó là tôn giáo khiến nhiều người băn khoăn và vì thế cho đến nay Bửu Sơn Kỳ Hương vẫn tồn tại như một hình thái tôn giáo dân gian (được công nhận theo đơn vị chùa). Tuy nhiên, chính sự đơn giản của nó lại thiết thực, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm theo và phù hợp với nhận thức cũng như đạo lý sống truyền thống của người Việt Nam, vì vậy nó nhanh chóng trở thành bệ đỡ tâm linh, tinh thần của người dân đương thời, dẫn dắt họ đi qua cơn bạo bệnh, sương mù của lý tưởng sống để vượt lên chính mình, chinh phục thiên nhiên, cải tạo tự nhiên phục vụ cho cuộc sống hiện sinh. Tu mà như không tu, không tu mà là tu, với phương thức *học Phật - tu nhân* này của các tôn giáo nội sinh đã khiến các tín đồ không cách li xã hội mà sống hòa vào xã hội. Không cần li gia cắt ái, nhưng các tín đồ lại tự nhận thức được đạo lý sống, khai sáng và điều chỉnh hành vi của chính mình để tổ chức lại cuộc sống cá nhân và cuộc sống cộng đồng tồn tại vững bền thuận hậu tới ngày nay. Như vậy, ở phương diện này các lãnh tụ của tôn giáo nội sinh đã thực hiện được sứ mệnh tổ chức lại cuộc sống cá nhân, cộng đồng cho người dân vùng đất mới thành công.

Về khía cạnh kinh tế, xã hội, Phật Thầy Tây An với tư cách người đi đầu còn có công lao như một nhà chính trị có uy tín đã thu

hút được tín đồ và lưu dân ly tán khắp nơi khai hoang lập làng biến những vùng đất hoang vu, khắc nghiệt đầy sơn lam chướng khí thành những làng mạc trù phú, những thị tứ đông vui, nhân dân an cư lạc nghiệp có cuộc sống ấm no hạnh phúc

Ở khía cạnh tôn giáo, triết học, nhân sĩ Đoàn Minh Huyền nói riêng, các nhân sĩ sau ông nói chung đã đạt đến ngưỡng của những vị chân tu. Bằng việc khai sáng ra một tôn giáo mới, Bửu Sơn Kỳ Hương, sau thêm Tứ Ân Hiếu Nghĩa, rồi Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon đều là những dòng tôn giáo cứu thế, đem phương châm cách thức và nguyên lý đạo đức của Đạo để cải tạo nhân tâm bồi đắp thiện lương cho con người. Những giáo lý đó của các vị tiền bối của tôn giáo nội sinh đã tác động mạnh vào tâm tư, tình cảm của con người, hướng thiện được nhiều tầng lớp xã hội phức tạp lúc bấy giờ, ổn định tình thế xã hội và ước thúc nhân tâm quy về một mối để thực hiện những sứ mệnh lịch sử đang đòi hỏi là dân cường nước thịnh. Với những cống hiến này, các lãnh tụ của tôn giáo nội sinh đã góp phần to lớn trong quá trình thay đổi, cải biên và làm hưng thịnh lại Phật giáo dưới thời Nguyễn đang tỏ ra thiếu uy tín với xã hội và dân chúng đương thời. Với phương châm đơn giản hóa mọi việc thờ cúng, bỏ các thủ tục rườm rà, bài trừ mê tín dị đoan, bác bỏ các điều tà mị và đưa ra phương thức tu hành hợp lý, hướng đến tu thân nhiều hơn tu trì giáo lý; hành động để cứu đời hơn là tụng niệm chờ mong, các tín nhân của tôn giáo nội sinh dưới sự dẫn dắt của các ông Đạo đã tự mình đứng lên thiết lập cuộc sống, hoàn thiện bản thân và nhận thức sâu sắc trách nhiệm của mình với cộng đồng, dân tộc và đất nước mà trở thành những nghĩa sĩ yêu nước đứng lên kháng Pháp¹².

Với vị trí lãnh tụ đầu tiên của phong trào tôn giáo mới, Đoàn Minh Huyền đã tạo ra một tập hợp tầng lớp cư sĩ tại gia yêu nước và có trách nhiệm với cá nhân, gia đình và cộng đồng. Với tư cách nhà dinh điền lớn đương thời, Đoàn Minh Huyền và nhiều thủ lĩnh của các tôn giáo nội sinh đã trở thành những nhân vật lịch sử có tài chiêu mộ lưu dân khẩn hoang, lập làng lập ấp phát triển một cuộc sống mới ở vùng biên viễn hoang vu của Tây Nam Bộ để trở thành

vùng đất đai trù phú màu mỡ. Những di sản mà họ để lại cho hậu thế hôm nay đóng góp lớn vào sự hình thành phát triển của đồng bằng sông Cửu Long. Thực hiện đúng vô vi, dù không ảnh hưởng trong nơi thờ tự, họ vẫn là chứng nhân của lịch sử và những giá trị mà họ để lại cho hậu thế đóng góp lớn vào việc hình thành nhân cách thuần hậu của con người Tây Nam Bộ hiện nay. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Xem thêm kỷ yếu hội thảo khoa học “Nhân vật lịch sử Đoàn Minh Huyền 1807-1856”. Hội Khoa học Lịch sử tỉnh An Giang, Huyện ủy Tịnh Biên, 2013.
- 2 Tư liệu phỏng vấn sâu tại thực địa 2 tỉnh An Giang và Kiên Giang năm 2018.
- 3 Tư liệu phỏng vấn sâu ông NVB chùa Thới Sơn. (Tịnh Biên, An Giang, 2018).
- 4 Tư liệu phỏng vấn sâu tại Thới Sơn (Tịnh Biên, An Giang, 2018).
- 5 Thái Trí Hải (2013) “Đoàn Văn Huyền - Nhà Doanh điền của vùng đất An Giang”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Nhân vật lịch sử Đoàn Minh Huyền 1807-1856*, Sđd, tr. 201.
- 6 Tư liệu phỏng vấn sâu tại An Giang, Kiên Giang, năm 2018.
- 7 Thái Văn Thor (2013) “Phật thầy tây An Đoàn Minh Huyền và công cuộc khẩn hoang lập làng ở vùng Thất Sơn, An Giang giữa thế kỷ XIX”. Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Nhân vật lịch sử Đoàn Minh Huyền*, Sđd, tr. 126.
- 8 Hội Long Hoa sau thời Mạt pháp sẽ được thành lập để đón nhận những ai biết tu hiền. Hội *Long Hoa* được mô tả giống như cõi *Tiên* tại thế, mà việc hành đạo lại rất dễ, nên người tin theo ngày càng đông.
- 9 Tùy từng tôn giáo mà các trọng ân này được đặt theo thứ tự khác nhau.
- 10 Mười điều huân câu của Phật thầy Tây An, lưu tại chùa Thới Sơn (Tịnh Biên, An Giang).
- 11 Đạo có hai tầng ý nghĩa và cấp độ: 1) Khi gắn với những lý thuyết cụ thể thì nó mang tính triết lý, triết thuyết, học thuyết, giới thuyết (Đạo Phật, Đạo Nho, Đạo Ki tô) và từ đạo ở đây được hiểu là những hệ thống lý luận thể hiện nhân quan về thế giới tự nhiên và xã hội; 2) Đạo = phép tắc, phương pháp, phương cách, mối quan hệ chỉ các nguyên tắc, phương châm ứng xử và đặt vào trong mối quan hệ cụ thể (đạo nghĩa, đạo ông bà, đạo thuật...). Xem thêm: Nguyễn Ngọc Mai (2017), *Nghi lễ lên đồng lịch sử và giá trị*, Nxb. Hà Nội, tr. 29.
- 12 Xem thêm: “Khởi nghĩa Bảy Thưa” (1867-1873) trong sách *Lịch sử địa phương An Giang* , tr. 39.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mai Thanh Hải (2008), Các “đạo” của nông dân châu thổ sông Cửu Long từ Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa đến Đạo Lành và Đạo Ông Nhà Lớn, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1, 2.
2. Đinh Văn Hạnh (2001), Vài nét về đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa ở Nam Bộ, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 02.

3. Nguyễn Xuân Hậu (2018), Các Ông Đạo khai lập Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 8.
4. Hội Khoa học lịch sử tỉnh An Giang, Huyện ủy Tịnh Biên (2013), *Nhân vật lịch sử Đoàn Minh Huyền (1807-1856)*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học.
5. Phan Văn Kiến - Võ Thành Phương (2015), *Lịch sử địa phương An Giang*, Nxb. Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh.
6. Nguyễn Thoại Linh (2018), Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn - Một tôn giáo nội sinh ở Nam Bộ, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 12.
7. Nguyễn Ngọc Mai (2017), *Nghi lễ lên đồng, lịch sử và giá trị*, Nxb. Hà Nội.
8. Nguyễn Phước Tài, Nguyễn Thuận Quý (2013), Vai trò của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương trong đời sống tinh thần đồng bào Nam Bộ, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 12.
9. Tôn Việt Thảo (2018), Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương ở An Giang, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 7.
10. Tư liệu khảo sát, phỏng vấn sâu của Đề tài tại An Giang, Kiên Giang năm 2018.
11. UBND Tỉnh An Giang (2007), *Địa chí An Giang*, Tài liệu lưu hành nội bộ.

Abstract

MISSION OF SOME ENDOGENOUS RELIGIONS IN THE SOUTH VIETNAM DURING THE FIRST YEARS OF FORMATION

Nguyen Ngoc Mai

Institute for Religious Studies, VASS

The term “endogenous religion of the South” is no longer strange to any researchers on religions in Vietnam. The concept refers to the religions that were born by the “guru” in the Mekong Delta in the late eighteenth and early nineteenth centuries such as Bửu Sơn Kỳ Hương associated with the founder Đoàn Văn Huyền, Tu An Hiếu Nghĩa associated with the founder Ngô Lợi, Hoa Hào Buddhism associated with the founder Huỳnh Phú Sổ and Hiếu Nghĩa Tà Lơn Buddhism associated with the founder Nguyễn Văn An, etc. Currently, although these religions exist independently, research on the history of development, operation process, principles, purposes, especially religious motto and contributions to the Southern cultural region in particular and to the national culture in general, shows that these religions have many similarities. This article indicates their early-stage mission as a common point.

Keywords: Endogenous religion; South Vietnam; Mission.